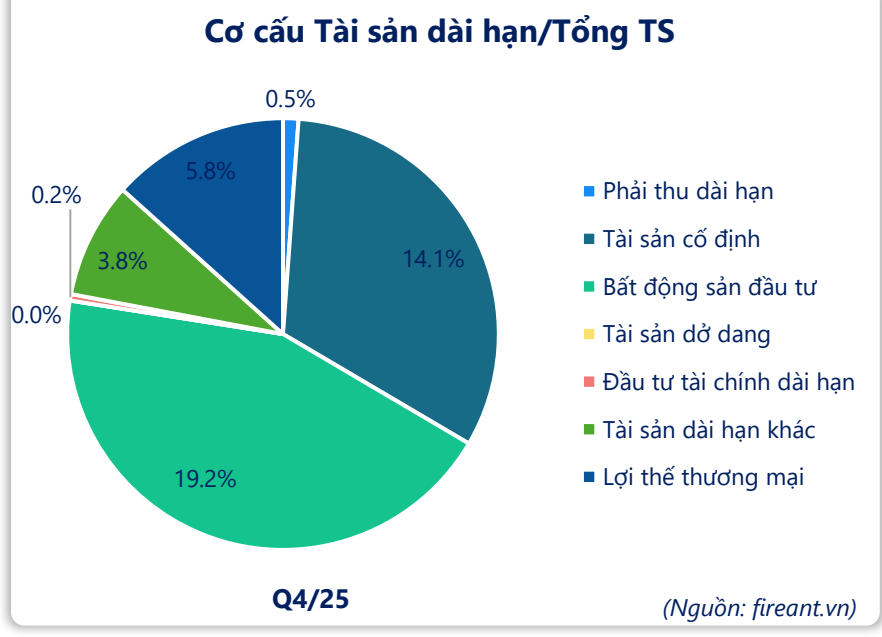
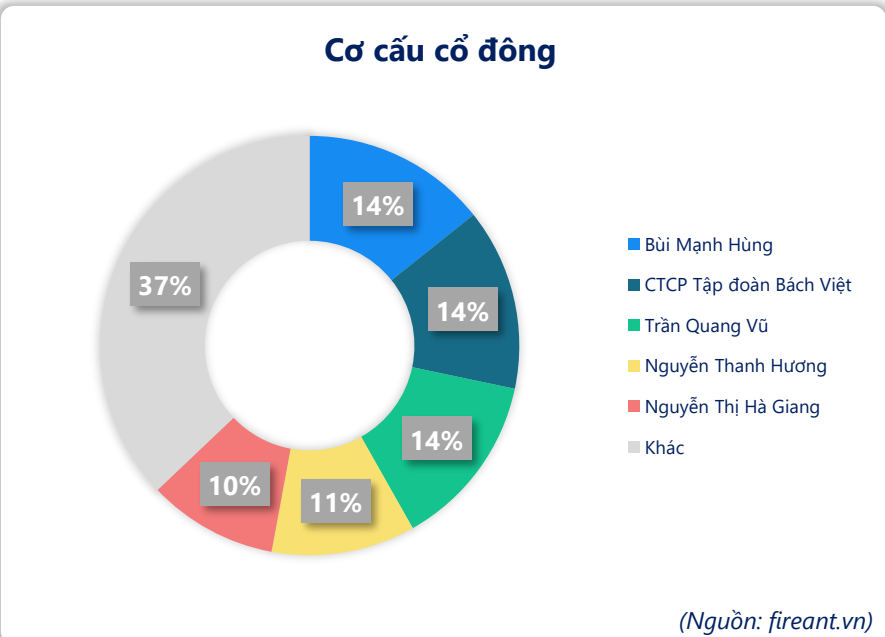
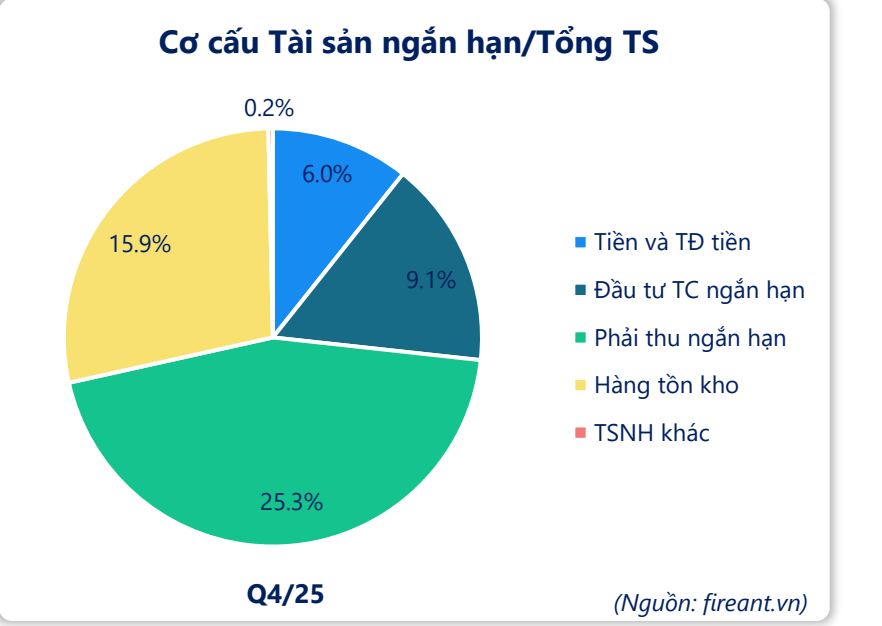
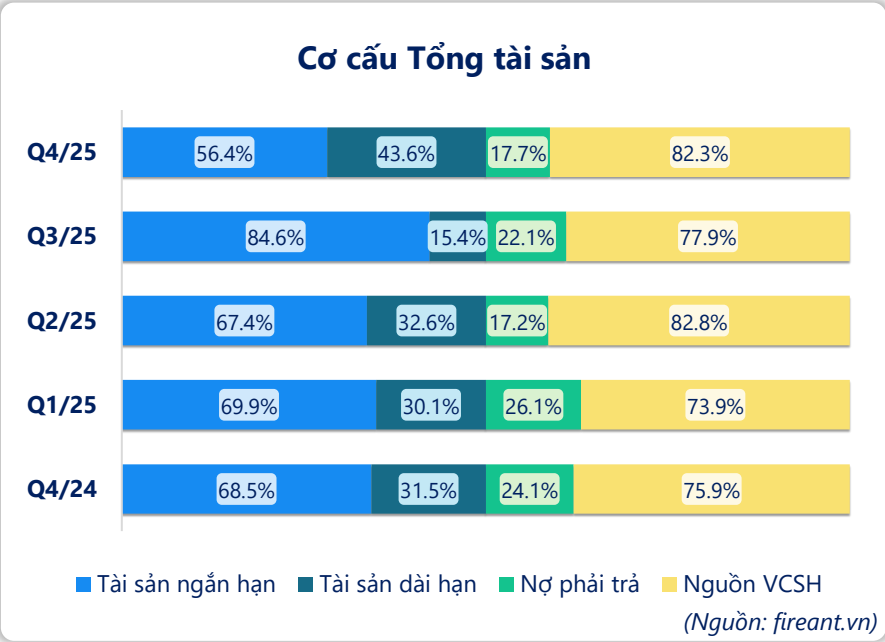
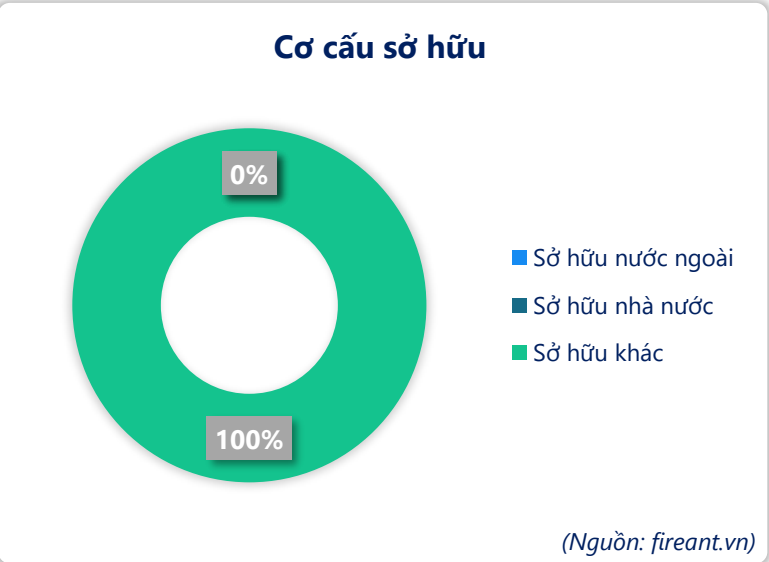
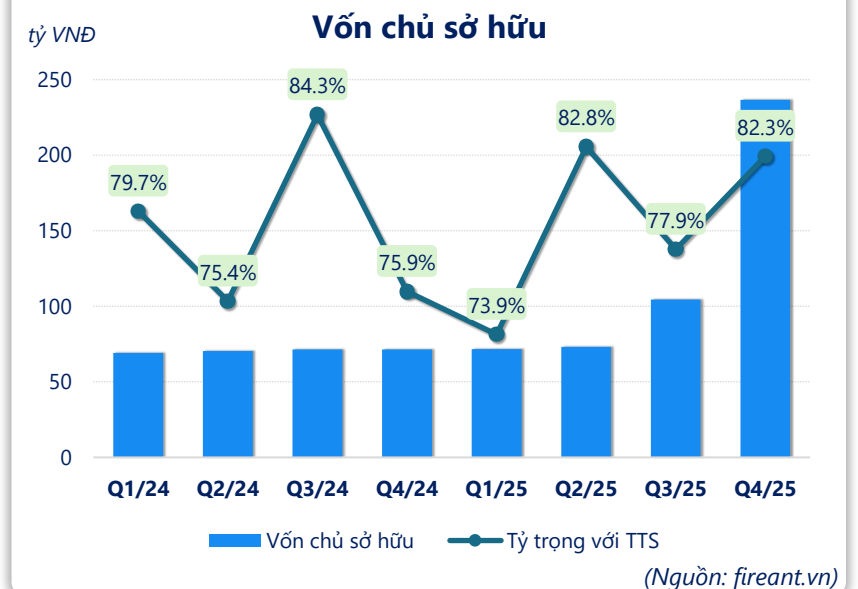
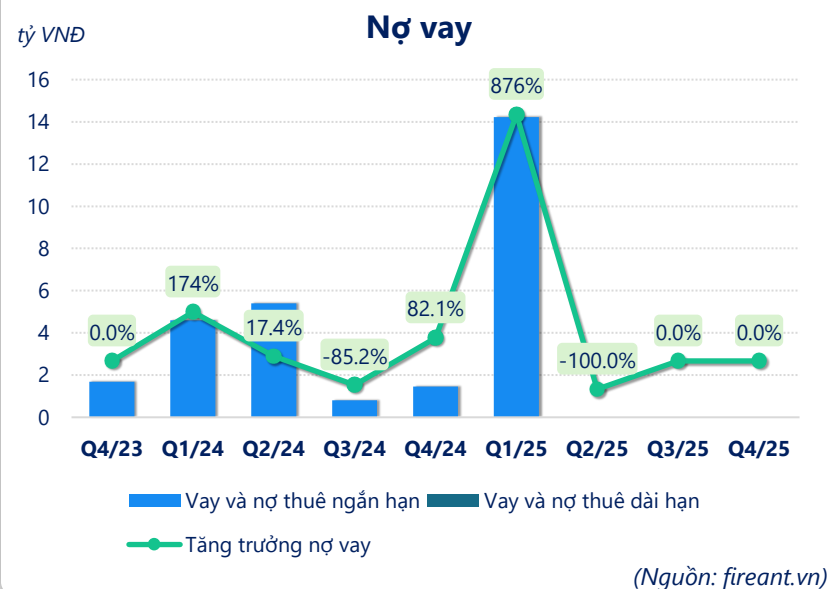
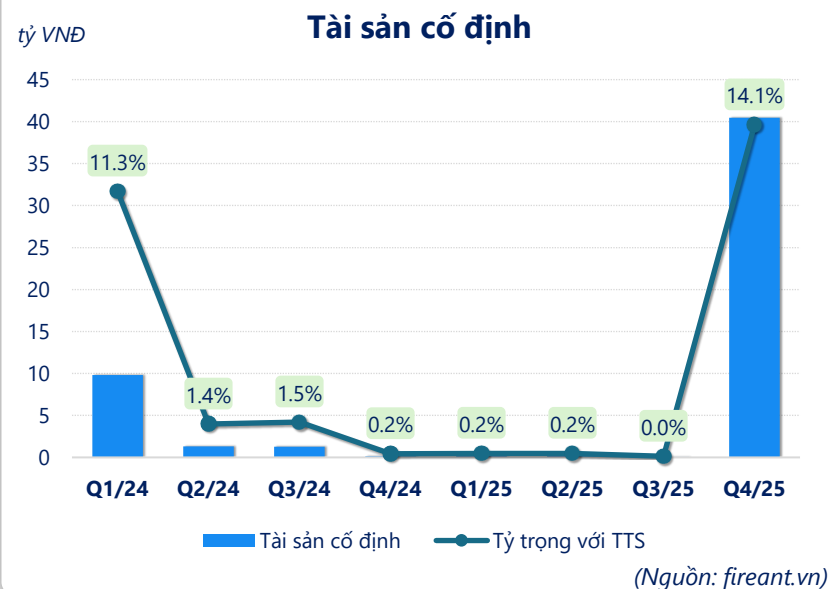
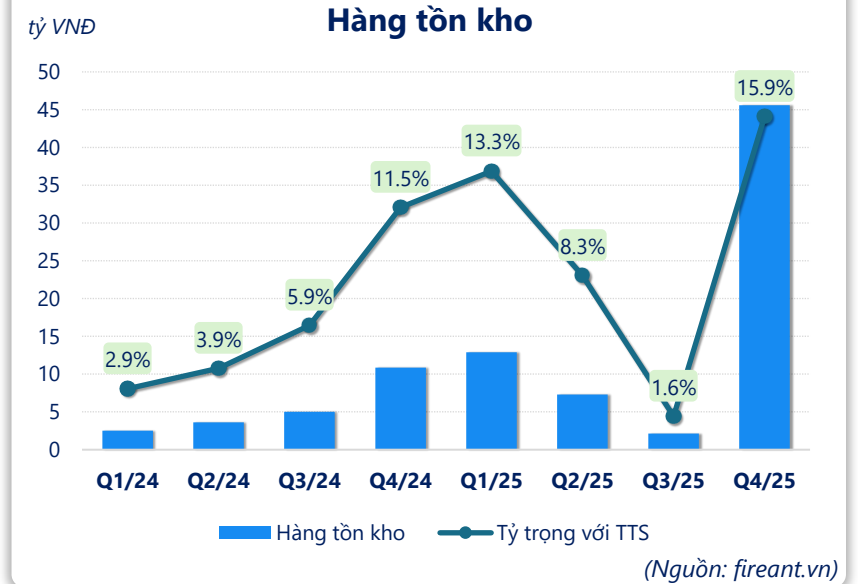
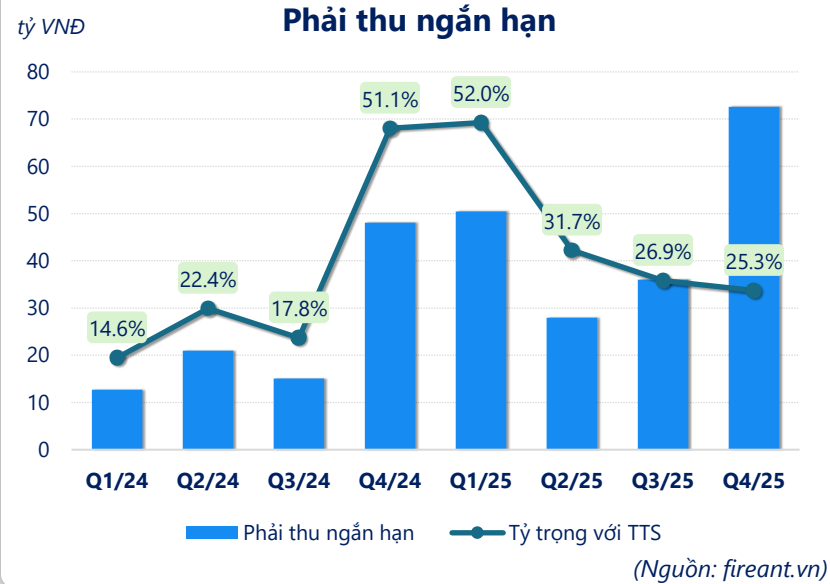
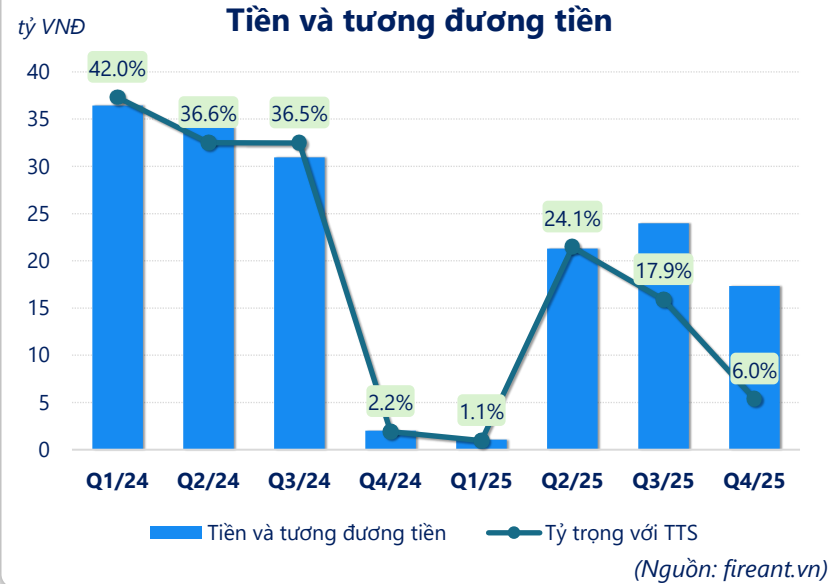
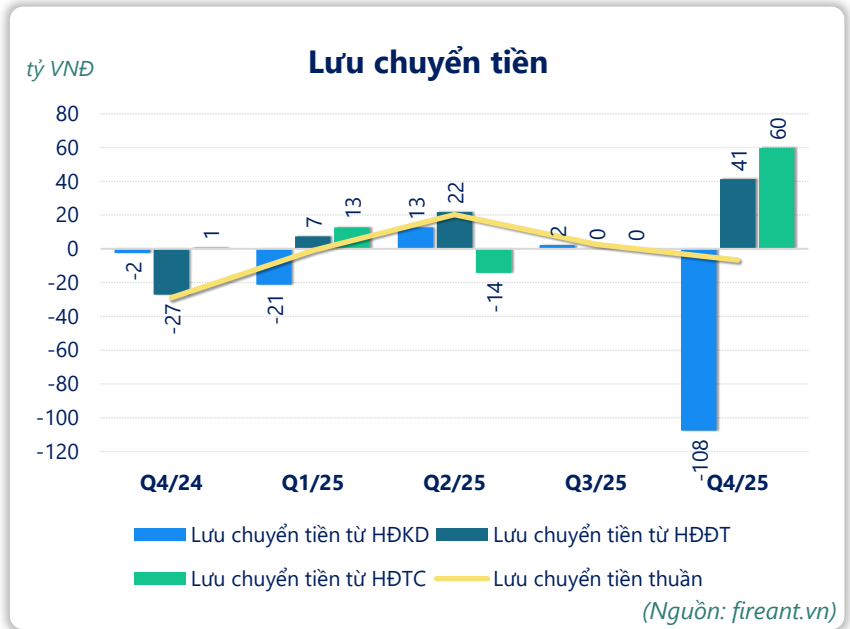
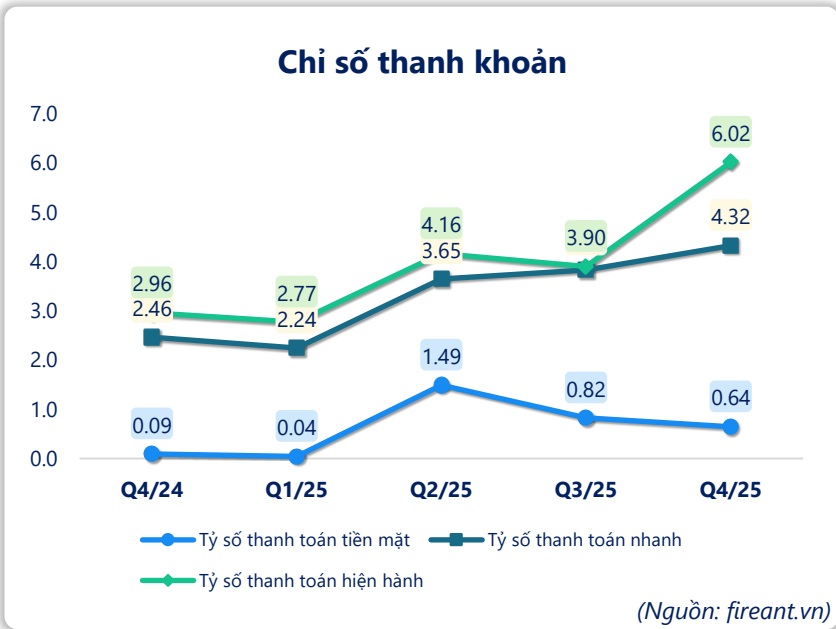
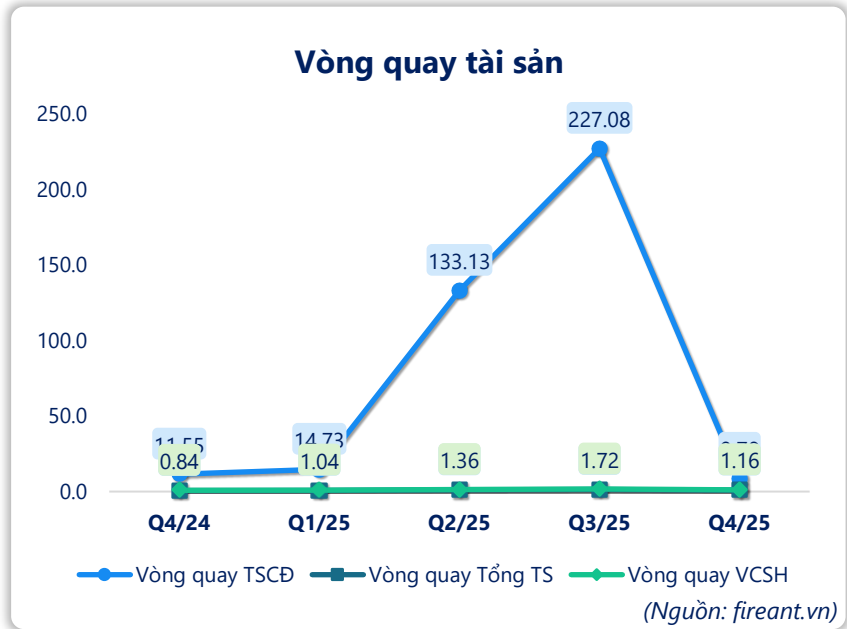
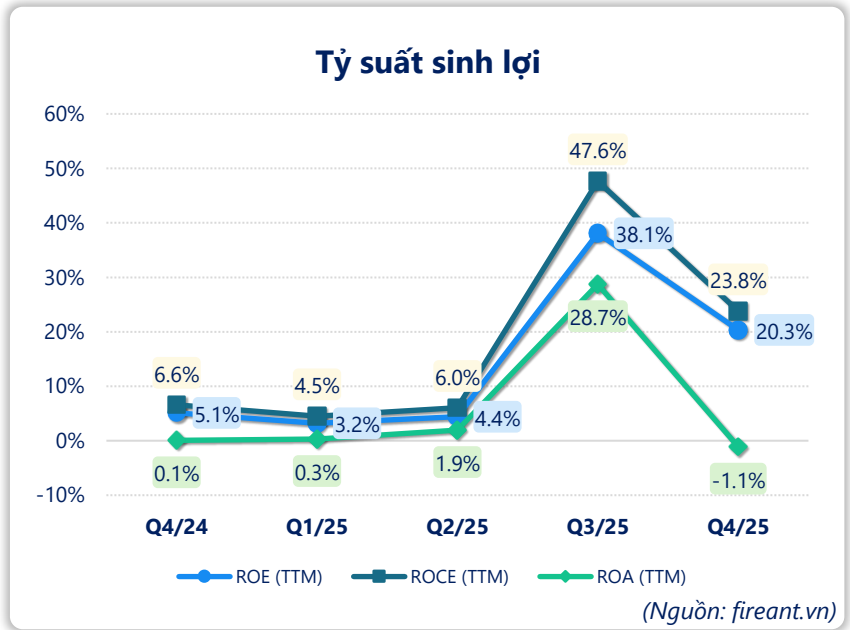
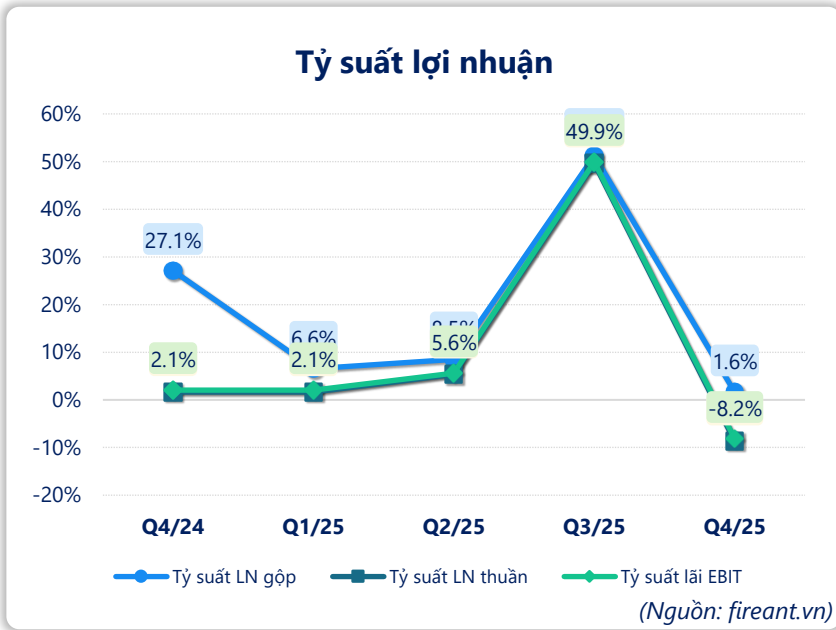
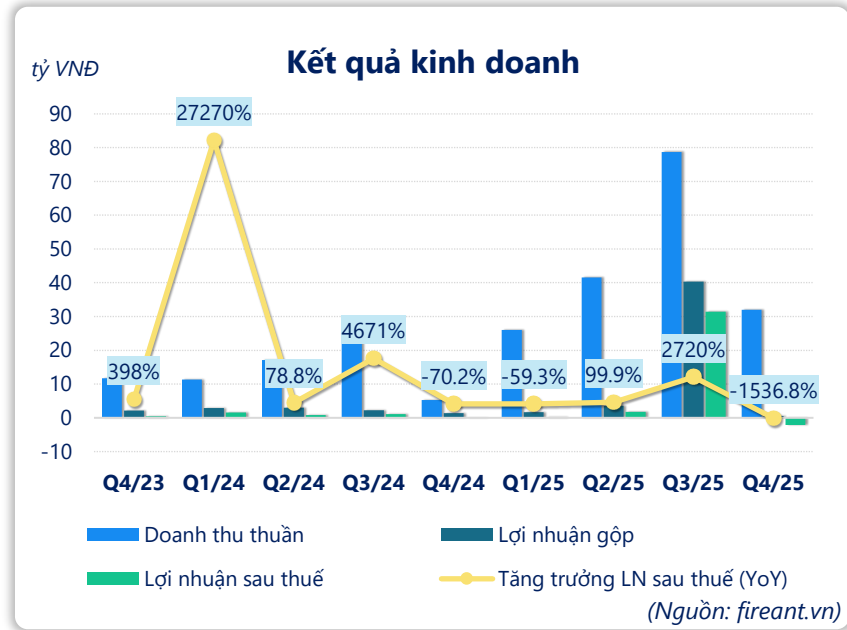


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,500
SL cổ phiếu LH		12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,760
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		114
P/E		3.6
EPS		2,611

	YTD	1T	3T	6T
VCM	9.2%	-5.0%	1.1%	30.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	287	94.1	205%
Tài sản ngắn hạn	162	64.5	151%
Tiền và tương đương tiền	17.3	2.03	754%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.0	0	
Phải thu ngắn hạn	72.6	48.0	51.3%
Hàng tồn kho	45.6	11.0	316%
Tài sản ngắn hạn khác	0.57	3.58	-84.1%
Tài sản dài hạn	125	29.6	323%
Phải thu dài hạn	1.45	0.55	163%
Tài sản cố định	40.4	0.15	27372%
Bất động sản đầu tư	55.1	28.9	90.8%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.60	0	
Tài sản dài hạn khác	10.9	0.04	29672%
Lợi thế thương mại	16.7	0	
Nợ phải trả	50.7	22.7	124%
Nợ ngắn hạn	26.9	21.8	23.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	1.46	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.4	8.58	21.6%
Nợ dài hạn	23.8	0.87	2620%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	237	71.4	231%
Vốn chủ sở hữu	237	71.4	231%
Vốn điều lệ	120	60.0	100%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	5.24	26.0	41.6	78.7	32.0
Giá vốn hàng bán	3.82	24.3	38.0	38.4	31.5
Lợi nhuận gộp	1.42	1.71	3.54	40.3	0.51
Doanh thu HĐTC	0.50	0.54	0.34	0.36	0.79
Chi phí TC	-0.03	0.16	0.13	0	0.01
Chi phí lãi vay	0.02	0.11	0.13	0	0.01
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.43	0.40	0.43	0.82	0.43
Chi phí QLDN	1.43	1.26	1.10	0.80	3.65
LN thuần từ HĐKD	0.09	0.42	2.22	39.0	-2.78
Lợi nhuận khác	0.00	0.00	-0.02	0.26	0.16
LN trước thuế	0.09	0.42	2.20	39.3	-2.62
Lợi nhuận sau thuế	0.05	0.27	1.76	31.4	-2.12
LNST của CĐ cty mẹ	0.05	0.27	1.76	31.4	-2.12

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.46	-21.2	12.6	2.20	-108
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-27.1	7.47	21.9	0.45	41.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.66	12.8	-14.2	0	59.7
Tiền đầu kỳ	31.0	2.03	1.05	21.3	24.0
Lưu chuyển tiền thuần	-28.9	-0.98	20.2	2.66	-6.63
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	2.03	1.05	21.3	24.0	17.3

(Nguồn: fireant.vn)